

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Dín;

2. Bà Lê Thị Luy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị S T L, sinh năm 1994.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố G K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Số nhà X, đường Q, tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh H S S, sinh năm 1994.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố G K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị S T L đề ngày 04/11/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H S S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 09 tháng 5 năm 2017 tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng chị ăn ở riêng, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do sau mỗi lần anh S uống rượu lại đánh chửi chị, lôi chị ra ngoài, đuổi chị đi và nói là không lấy chị, tối ngày 21/10/2024 anh S đánh chị ở nhà xong lôi chị ra nhà mẹ đẻ của chị là bà G T Đ ở tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S và đánh chị trước mặt mẹ và anh của chị, nói với mẹ và anh trai của chị là đưa chị ra trả cho gia đình, từ nay về sau không lấy chị nữa, ngoài ra anh S còn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không còn tình nghĩa vợ chồng và chị đã bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ từ tháng 10 năm 2024 sinh sống cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh H S S.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung cháu tên là H T Q H sinh ngày 21/04/2019 cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, trường hợp tòa án giải quyết cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H thì chị không đồng ý cấp dưỡng mà sẽ tự có trách nhiệm với cháu. Chị làm nghề lao động tự do khó xác nhận được mức thu nhập cụ thể. Hiện tại anh S đi làm ở đâu chị không quan tâm nên không biết, thỉnh thoảng anh S mới về nhà, cháu H đang ở cùng ông bà nội, cuối tuần chị đón cháu H về ở cùng; thu nhập của anh S như tài liệu mà chị nhận được thì anh S làm nghề thợ xây dựng tại địa phương thu nhập hàng tháng được từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy vào ngày công lao động, xác minh cho thấy một ngày công lao động được khoảng 230.000 đồng đến 250.000 đồng tùy từng công trình.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai vào ngày 09 tháng 5 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống giữa anh và chị L có xảy ra mâu thuẫn với nhau, đã nhiều lần sau khi uống rượu anh có đánh chửi chị L và cũng có lần anh đưa chị L về nhà mẹ đẻ nhưng nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vào tháng 10/2024 anh bắt gặp chị L nhắn tin thoại cho trai với lời lẽ là bồ, nội dung rất ngọt ngào; đến nay tin nhắn thoại đó đã bị xóa đi. Vì vậy mà vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; chị L bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S từ khoảng tháng 11/2024 cho đến nay, vợ chồng anh sống ly thân và bỏ mặc nhau, không quan tâm đến nhau. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý nhưng đề nghị Tòa án giải quyết khoản vay tiền Ngân hàng chính sách xã hội và khoản vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn (Phòng giao dịch S).

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 người con chung cháu tên là H T Q H sinh ngày 21/04/2019 cháu H khỏe mạnh phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của anh là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng ly thân do anh phải đi làm ăn nên cháu H

ở cùng ông bà nội. Về việc làm và thu nhập anh khai là làm quản lý thợ xây, thu nhập hàng tháng được từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy vào ngày công lao động, anh có nhà ở ổn định còn chị L đang sống nhờ nhà mẹ đẻ còn chị L ở nhà, thỉnh thoảng đi chợ bán hàng và đang sống nhờ nhà mẹ đẻ, thu nhập và chỗ ở của chị L không ổn định.

- Về quan hệ tài sản; về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Tài sản của vợ chồng anh không có gì giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L vẫn cương quyết ly hôn thì yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết 02 khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội và khoản vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn (Phòng giao dịch S).

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S T L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S T L và anh H S S được ly hôn.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu H T Q H cho anh H S S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị L kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh S, anh S có địa chỉ nơi cư trú tại thị trấn S, huyện S do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, các đương sự đã trình bày lời khai, vụ án được đưa ra xét xử lần một vào ngày 11 tháng 3 năm 2025 nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án hoãn phiên tòa, ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 09 tháng 4 năm 2025. Tại phiên tòa mở lần hai bị đơn anh S vẫn vắng mặt, nguyên đơn là chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là thị trấn S), huyện S, tỉnh Lào Cai. Ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng kể từ khi ra ở riêng kinh tế của vợ chồng gặp khó khăn, anh S nghi ngờ chị L ngoại tình, cách đây khoảng 01 năm sau nhiều lần uống rượu anh đánh chửi và đuổi chị L đi, đưa chị trả về nhà mẹ đẻ là bà G T Đ tại tổ dân phố D P, thị trấn S. Đến nay giữa chị L và anh S không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mỗi người sống một nơi, ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2024, vợ chồng bỏ mặc, không quan tâm đến nhau. Từ những điều đó thể hiện hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về ý kiến của anh S là trường hợp chị L cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý nhưng phải xem xét giải quyết 02 khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội và khoản vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn (Phòng giao dịch S). Ngày 14 tháng 01 năm 2024 Tòa án đã ra thông báo về việc giải quyết công nợ đối với Phòng giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S, tỉnh Lào Cai và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện S, tỉnh Lào Cai nhưng đã quá 15 ngày sau khi giao thông báo nhưng Phòng giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện S không có yêu cầu khởi kiện độc lập vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết 02 khoản nợ trong vụ án này. Sau này nếu anh S và chị L cố tình không trả nợ Ngân hàng thì Ngân hàng có thể khởi kiện bằng một vụ án riêng.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Nguyên vọng của cả chị L và anh S là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H T Q H sinh ngày 21/04/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Xét đến quyền lợi về mọi mặt của con, chị L hiện nay làm nghề lao động tự do không xác định được mức thu nhập cụ thể và ở nhờ nhà mẹ đẻ là bà G T Đ, còn anh S làm quản lý thợ xây, thu nhập hàng tháng được từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy thuộc vào ngày công lao động, xác minh cho thấy đối với một

người làm công việc thợ xây dựng tại địa phương một ngày công được khoảng từ 230.000 đồng đến 250.000 đồng tùy từng công trình, hơn nữa anh S có nhà ở ổn định, yêu thương quan tâm đến con nên cần giao cháu H cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và là lao động chính có thu nhập, chị L làm nghề lao động tự do không xác định được mức thu nhập, cháu H khỏe mạnh, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu H và phù hợp với các quy định khác của pháp luật. Sau này nếu anh S nuôi con gặp khó khăn mà chị L có điều kiện cấp dưỡng thì có thể đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Do gia đình chị S T L thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 81; khoản 1,3 Điều 82; các Điều 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị S T L được ly hôn với anh H S S.

Quan hệ hôn nhân giữa chị S T L và anh H S S chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu H T Q H sinh ngày 21/4/2019 cho anh H S S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị S T L không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị S T L được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND thị trấn S,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

